

Bản án số: **27/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 03 - 2021

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Ngân

2. Ông Cao Trọng Mạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thanh Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 351/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số **10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/03/2021, giữa các đương sự:**

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ P (L), sinh năm 1991 (Có mặt)

HKTT: Số 794/4 đường Nguyễn Trung T1, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Lô 32, đường T2, phường Vĩnh Quang, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 63 đường C, phường T3, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ P trình bày:** Tôi và anh T **tự tìm hiểu nhau rồi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 không có tổ chức lễ cưới**, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng

nhận kết hôn số 147 ngày 25/6/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên gia đình vợ tại địa chỉ số 794/4 đường Nguyễn Trung T1, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Đến tháng 04/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rồi anh T dọn về nhà cha mẹ ruột ở và sống ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 04/2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng ý kiến trong cách sống hằng ngày, tính tình đôi bên không hòa hợp, anh T thường xuyên uống rượu về đập phá đồ đạc trong nhà và nhiều lần hành hung đánh đập tôi, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, mặc dù chị P có khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi mà ngày càng trầm trọng hơn. Ngoài ra, anh T còn có người phụ nữ khác bên ngoài. Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị P yêu cầu xin ly hôn với anh T. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn thì chị P yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung như sau:

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ P xác định có 01 người con chung tên Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 19/3/2018 hiện nay đang sinh sống với chị P. Chị P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị P xác định không còn tình cảm yêu thương với anh T nữa và yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Riêng đối với bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử bị đơn vắng mặt không có lý do nên đã vi phạm nghĩa vụ đối với người tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ P ly hôn với bị đơn anh Trần Văn T, giao người con chung tên Trần Ngọc Bảo N cho chị P T1 tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản, nợ chung: Chị P xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ P khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn anh Trần Văn T và anh T là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn T không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị P tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa họp lệ, nhưng anh T cố tình tránh mặt không đến Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị P yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh T theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ P và anh Trần Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện; tuy không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 147, ngày 25/6/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị P và anh T không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẽ, chị P xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ đến tháng 04/2020 phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân là do tính tình đôi bên không hòa hợp, anh T thường xuyên uống rượu về đập phá đồ đạc trong nhà và nhiều lần hành hung đánh đập chị P, ngoài ra anh T còn đang chung sống với người phụ nữ khác bên ngoài. Mâu thuẫn kéo dài vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và đã sống ly thân với **nhau từ tháng 04 năm 2020** đến nay và trong thời gian chị P, anh T sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Anh T đã được Tòa án tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong

suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị P cũng như chứng cứ do chị P cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T.

[5] Về quan hệ con chung: Chị P xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 19/3/2018 hiện nay đang sinh sống với chị P. Chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, cháu Ngân hiện nay còn nhỏ và còn là bé gái đang trong giai đoạn phát triển nên cần thiết có được sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ và để không làm thay đổi môi trường sinh hoạt, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao người con tên Ngân cho chị P tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này chị P có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh T có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ P được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ P tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 19/3/2018, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ P phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị P được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004670 ngày 22/07/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/03/2021), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thùy Linh